

PHỤ LỤC
DANH MỤC HÓA CHẤT, HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM VÀ CÁC PHỤ KIỆN KÈM THEO
YÊU CẦU BÁO GIÁ

(Đính kèm Thông báo số /TB-BVĐK ngày tháng 3 năm 2025 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Mã số	Tên hóa chất	Đặc điểm kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
I	DANH MỤC ĐƯỢC ĐẦU THẦU TẬP TRUNG NĂM 2024 NHƯNG KHÔNG TRÚNG THẦU				
1	HC098	Hóa chất chương trình ngoại kiểm Tim mạch	Hóa chất chương trình ngoại kiểm Tim mạch. Dạng lỏng sẵn sàng sử dụng. Hộp 6 x 3ml	Hộp	2
2	HC127	Hồng cầu mẫu	Thành phần: Mỗi lọ sinh phẩm 10 ml gồm: - Hồng cầu khối: 0,5 ml - Dung dịch bảo quản và nuôi dưỡng hồng cầu: 9,5 ml. - Nồng độ: dung dịch hồng cầu 5%. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO. Quy cách đóng gói: Mỗi bộ hồng cầu gồm 3 lọ: Hồng cầu mẫu A, Hồng cầu mẫu B, Hồng cầu mẫu O, thể tích mỗi lọ là 10 ml	Bộ	6
3	HC476	CK-MB	Độ tuyến tính: ≥ 1182 U/L; Độ nhạy: ≤ 8.3 U/L. Hộp: R1 4x20ml, R2 4x6ml	Hộp	1
4	HC477	CK-NAC	Độ tuyến tính: ≥ 2000 U/l; Độ nhạy: ≤ 17 U/l. Hộp: R1 4x20ml, R2 4x6ml.	Hộp	1
5	HC507	UREA Nitrogen	Phương pháp đo Urease/GLDH; dải đo từ ≤ 1 đến ≥ 200 mg/dL; Hộp: R1 (5x60 mL); R2 (5x20 mL)	Hộp	1
6	HC508	Creatinine Enzymatic	Phương pháp đo SOD/POD; dải đo từ ≤ 0.1 đến ≥ 150 mg/dL; Hộp: R1 (5x60 mL); R2 (5x20 mL)	Hộp	1
7	HC519	Lactate dehydrogenase	Phương pháp đo Inhibition/Direc; dải đo từ ≤ 5 đến ≥ 120 mg/dL; Hộp: R1 (60 mL); R2 (15 mL)	Hộp	1
8	HC568	Cholesterol LDL Direct	Phương pháp đo Enzymatic, đo điểm cuối, dải đo từ ≤ 4 mg/dl đến ≥ 500 mg/dl, Hộp 4x50mlR1, 1x50mlR2	Hộp	12
9	HC597	LDL-Cholesterol Calibrator	Chất hiệu chuẩn LDL-Cholesterol. Lọ 1x1ml	Lọ	1
10	HC608	Cholesterol HDL Direct	Phương pháp: So màu, điểm cuối, increasing reaction, ức chế miễn dịch. Dải đo từ ≤ 1 đến ≥ 180 mg/dL (từ ≤ 0.03 đến ≥ 4.66 mmol/L). Hộp 4x100mLR1, 1x100mLR2	Hộp	8

STT	Mã số	Tên hóa chất	Đặc điểm kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
11	HC609	HDL-Cholesterol Calibrator	Hóa chất chuẩn xét nghiệm HDL-Cholesterol. Dạng đông khô huyết thanh người. Hộp 1x3mL	Hộp	1
12	HC610	Beta 2-Microglobulin	Hóa chất thực hiện xét nghiệm Beta 2-Microglobulin. Hộp 2x60ml + 2x15ml	Hộp	1
13	HC611	Beta 2-Microglobulin standard	Hóa chất chuẩn xét nghiệm Beta 2-Microglobulin. Hộp 1x1ml	Hộp	1
14	HC612	Beta 2-Microglobulin control	Nội kiểm tra xét nghiệm Beta 2-Microglobulin. Hộp 2x1ml	Hộp	1
15	HC775	AST GN67 hoặc tương đương	Thẻ kháng sinh đồ sử dụng cho vi khuẩn Gram âm. Hộp 20 Card. Tương thích máy VITEK	Hộp	80
16	HC781	Dung môi pha huyền dịch vi khuẩn	Dung môi pha huyền dịch vi khuẩn. - Thành phần: 0,45% Sodium chloride. - Tương thích máy Vitek2	Lít	10
17	HC786	Bộ thuần nhất và xử lý mẫu	Dùng để thực hiện kỹ thuật thuần nhất và loại trừ tạp nhiễm các mẫu thử có chứa đàm	Test	80
18	HC790	Cefoxitin	Thử nghiệm nhạy cảm với Cefoxitin	Đĩa	100
19	HC814	Oxidase	Thực hiện thử nghiệm Oxidase	Đĩa	100
20	HC815	Oxacillin	Thử nghiệm nhạy cảm với Oxacillin	Đĩa	100
21	HC834	Ổng môi trường giữ chủng Cryobank hoặc tương đương	Ổng lưu giữ chủng vi khuẩn, chứa các hạt lưu trữ và có môi trường pha sẵn.	Ổng	80
22	HC880	Glycerol	Glycerol $\geq 98\%$	ml	100
II	DANH MỤC CHƯA ĐƯỢC ĐẦU THẦU TẬP TRUNG NĂM 2024				
23	HC637	Diacon Urine Level 1	Nước tiểu kiểm soát dựa trên chất lỏng ổn định của con người mức 1. Lọ 1 x 5ml	Lọ	2
24	HC638	Diacon Urine Level 2	Nước tiểu kiểm soát dựa trên chất lỏng ổn định của con người mức 2. Lọ 1 x 5ml	Lọ	2

STT	Mã số	Tên hóa chất	Đặc điểm kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
25	HC895	Chủng chuẩn Escherichia coli ATCC 25922 hoặc tương đương	'Dùng phân tích Staphylococcus aureus trong các test thử nội kiểm để đánh giá phương pháp, kiểm tra hiệu lực kháng sinh, môi trường nuôi cấy,.. trong xét nghiệm vi sinh. - Có hồ sơ chứng nhận nguồn gốc chủng.	Que	5
26	HC029	Anti DNA	Độ nhạy: tối thiểu 90% - Độ đặc hiệu: tối thiểu 90%	Test	100
27	HC102	Hóa chất chương trình ngoại kiểm HbA1C	Hóa chất chương trình ngoại kiểm HbA1C. Thành phần: 100% máu toàn phần. Dạng đông khô. Hộp 6 x 0.5ml	Hộp	2
28	HC106	Hóa chất chương trình ngoại kiểm miễn dịch	Mẫu dạng đông khô, bao gồm 51 thông số đáp ứng ngoại kiểm tra chất lượng xét nghiệm miễn dịch. Hộp/6 x 5ml	Hộp	2
29	HC792	ISEPak hoặc tương đương	Ra: 350mL + Rb: 150mL, Ref 120 mL. Tương thích máy điện giải EL-120	Hộp	7
30	HC793	Urine Diluent hoặc tương đương	Bộ thuốc thử Urine Diluent; Tiêu chuẩn kỹ thuật ISO 13485; Sử dụng để pha loãng mẫu nước tiểu. Hộp 1x100mL. Tương thích máy điện giải EL-120	Hộp	1
31	HC794	IFS Solution hoặc tương đương	Bộ thuốc thử IFS Solution; Tiêu chuẩn kỹ thuật ISO 13485; Sử dụng để bổ sung hiệu chỉnh điện cực. Bộ 1x8mL	Bộ	2
32	HC795	Deproteinzer hoặc tương đương	Bộ thuốc thử Deproteinzer; Tiêu chuẩn kỹ thuật ISO 13485; Sử dụng để phân giải protein nằm trong hệ thống dây dẫn. Hộp 1x100mL. Tương thích máy điện giải EL-120	Hộp	2
33	HC796	Điện cực Na	Bộ điện cực Na Electrode; Tiêu chuẩn kỹ thuật ISO 13485; Tương thích máy điện giải EL-120	Cái	2
34	HC797	Điện cực K	Bộ điện cực K Electrode; Tiêu chuẩn kỹ thuật ISO 13485; Tương thích máy điện giải EL-120	Cái	2
35	HC798	Điện cực Cl	Bộ điện cực Cl Electrode; Tiêu chuẩn kỹ thuật ISO 13485; Tương thích máy điện giải EL-120	Cái	2
36	HC799	Điện cực Ca	Bộ điện cực Ca Electrode; Tiêu chuẩn kỹ thuật ISO 13485; Tương thích máy điện giải EL-120	Cái	2

STT	Mã số	Tên hóa chất	Đặc điểm kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
37	HC800	Ref Electrode	Bộ điện cực Ref Electrode; Tiêu chuẩn kỹ thuật ISO 13485; Tương thích máy điện giải EL-120	Cái	2
38	HC837	AST GP67 hoặc tương đương	Thẻ kháng sinh đồ sử dụng cho vi khuẩn Gram dương. Hộp 20 Card. Tương thích máy VITEK	Hộp	9
39	HC874	Mannitol motility Agar	Dạng sử dụng: dạng bột Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485. Lọ 500g	Lọ	1
40	HC886	Sabouraud Malt Agar	Dạng sử dụng: dạng bột Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485. Lọ 500g	Lọ	1
41	HC913	Bình xịt khử khuẩn dạng bột	Bình xịt làm sạch và khử khuẩn bề mặt thiết bị y tế chứa hoạt chất AHP (Accelerated Hydrogen Peroxide) nồng độ 0,36% với hiệu quả diệt khuẩn: 1. Sau 30 giây: các loại virus, theo tiêu chuẩn EN14476 2. Sau 1 phút các vi khuẩn theo tiêu chuẩn EN13727. 3. Sau 5 phút các loại nấm men theo tiêu chuẩn: EN16665.	Bình	8
42	HC927	Dung dịch khử khuẩn	Dung dịch làm sạch và khử khuẩn bề mặt chứa hoạt chất AHP (Accelerated Hydrogen Peroxide) nồng độ 7,2% với hiệu quả diệt khuẩn: 1. Sau 30 giây: các loại virus, theo tiêu chuẩn EN14476 2. Sau 1 phút các loại vi khuẩn theo tiêu chuẩn EN13727. 3. Sau 5 phút các loại nấm men theo tiêu chuẩn: EN16665.	Can	5
43	HC931	Hóa chất sát khuẩn Anios hoặc tương đương	Chất hoạt động bề mặt không ion, hoạt chất bôi trơn, chất bảo quản, không chứa silicone. Chai 1 lít	Chai	5
44	HC932	Hóa chất sát khuẩn bề mặt dùng cụ Surfa'safe hoặc tương đương	0.3% Didecyltrimethyl ammonium chloride, chất hoạt động bề mặt, không chứa cồn, làm sạch và khử khuẩn bề mặt trang thiết bị y tế. Tương thích với Polycarbonate. Đầu phun tạo bọt. Đạt tiêu chuẩn EN 13697 trong 2 phút. Diệt virus HIV, HBV, HCV, H1N1, H5N1, Rotavirus 1 phút. Diệt Coronavirus trong thời gian 5 phút và diệt Norovirus, Adenovirus trong thời gian 30 phút theo tiêu chuẩn EN 14476. Diệt các vi khuẩn đa kháng và siêu kháng: MRSA, Klebsiella pneumoniae trong 2 phút. Chai 750 ml	Chai	60

STT	Mã số	Tên hóa chất	Đặc điểm kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
45	HC939	Test hóa học kiểm soát tiệt trùng EO 1251 hoặc tương đương	Thiết kế dạng que giấy dài có vạch mực chỉ thị hóa học. Vạch mực chỉ thị sẽ chuyển màu đỏ sang màu xanh lá sau khi qua quá trình tiệt khuẩn nhiệt độ thấp với khí Ethylen Oxide.	Que	864
46	HC941	Test kiểm soát thiết bị Bowie-Dick hoặc tương đương	Gói thử kèm tờ cảnh báo sớm. Gói thử đóng sẵn bao gồm tấm thử không chứa Chi, để test chất lượng lò hút chân không, ngoài ra còn giúp cảnh báo sớm về chất lượng hút chân không của lò hấp để kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa kịp thời khi chưa có sự cố về chất lượng hút chân không của lò xảy ra.	Miếng	360
47	HC1007	MU826700 MIXING ROD(3PCS/SET) - L SHAPE	Que khuấy dạng L, phủ Teflon, dài 7.7cm. 3 cái/hộp	Hộp	2
48	HC1008	Mixing bar - Spiral (que khuấy)	Chất liệu bằng kim loại, dạng xoắn, có phủ teflon, chiều dài 7.7cm. 3 cái/hộp	Hộp	2
Tổng cộng: 48 mặt hàng					